

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16-07-2018

Về việc: “ Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hoàng.
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị ThanhTr, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Phú Th1, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Phú Th1, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21 tháng 02 năm 2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị ThanhTr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th1, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới, vợ chồng chị và anh T chung sống có hạnh phúc. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo cho gia đình, cờ bạc. Năm 2017, chị đã có yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án, để vợ chồng có cơ hội hàn gắn chăm lo hạnh phúc nên chị đã rút đơn nhưng anh T vẫn không sửa chữa. Tại phiên tòa, chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/01/2015, đang sống chung với chị Tr. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình Tòa án giải quyết, anh T không đến Tòa án nên không tiến hành thu thập lời khai của T.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án thì việc gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp, quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/01/2015, hiện do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ không còn sống chung. Tại tòa chị Tr không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị ThanhTr và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 2/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Chị Tr và anh T ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Tr và anh T là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Tr là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Tr và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/01/2015. Xét thấy: Cháu T1 mới 3 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T1, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu T1 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Tr.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị ThanhTr phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị ThanhTr với anh Nguyễn Ngọc T.

2/ Về con chung: Chị Trần Thị ThanhTr được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/01/2015.

Ghi nhận chị Trần Thị Thanh Tr không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

ChịTr trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị ThanhTr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chịTr đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015000 ngày 11/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Trần Thị Thanh Tr đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị ThanhTr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Th1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Loan

